

SỐ 1580

## LUẬN THÍCH DU GIÀ SỬ ĐỊA

*Tác giả: Bồ-tát Tối Thắng Tử.*

*Hán dịch: Đời Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Trang.*

### PHẦN BẢN ĐỊA

#### Địa 1: NĂM THỨC TƯƠNG ƯNG

*Kính lễ Đấng Đại Giác trời, người  
Phước đức trí tuệ đều đầy đủ  
Pháp diệu chân văn nghĩa tốt cùng  
Chúng Hiền Thánh thọ học chánh tri.  
Cúi lạy Đại Từ Tôn Vô thắng  
Khấp vì lợi lạc các hữu tình  
Rộng lấy nghĩa chính trong các kinh  
Lược nói năm phần Du Già này.  
Quy mạng dòng pháp lực định mẫu  
Phát khởi tên công đức Vô trước  
Hay ở biển Thánh giả tối thắng  
Sinh ra pháp cam lồ thượng diệu.  
Nhận lấy mỹ âm tự đầy đủ  
Lại vì lợi ích các thế gian  
Tuôn mưa hoa tự không cùng tận  
Thắm tươi cây Như Ý Mâu-ni.  
Luận này đặc biệt tựa hoa sen*

*Giống như kho báu tựa biển lớn  
Nghĩa lớn các thừa hiển bày đủ  
Khéo giải văn lý không có sót.  
Ở trong luận lớn Du Già này  
Con nay theo sức giải phần nhỏ  
Để giúp chánh pháp luôn còn mãi  
Lợi ích an vui chúng hữu tình.*

Nay nói luận này phạm vi bàn đến như thế nào? Nghĩa là có hai lý do nên nói luận này: Một là vì muốn cho giáo pháp vô thượng của Như-lai được trú lâu ở thế gian. Hai là vì bình đẳng tạo lợi ích an vui cho các hữu tình.

Lại có hai lý do nên nói luận này: Một là đối với các Thánh giáo cam lồ của Như-lai đã ẩn mất, thì nhớ nghĩ góp nhặt thu thập để hiển bày trở lại những Thánh giáo của Như-lai chưa ẩn mất, thì xét chọn vấn đáp làm hưng thịnh gấp bội. Hai là vì trong cõi hữu tình, người có chủng tánh đều nương vào thừa của mình, tu thiện xuất thế, đắc quả ba thừa, vượt ngoài sinh tử. Người không có chủng tánh, nương vào thừa nhân thiên tu thiện thế gian, đắc quả nhân thiên, thoát khỏi đường ác.

Lại có hai lý do nên nói luận này: Một là có đa số nói về “không”, nhưng không hiểu ý nghĩa trong kinh, như chấp trước bác bỏ cho toàn là “không”, ghét, trái với tất cả giáo pháp nói “có”. Vì nhằm khiến họ tùy theo đây để hiểu tướng “có” của các pháp, hiểu sâu ý trong kinh, xả bỏ kiến chấp về “không”. Hai là có đa số nói về “có”, nhưng không hiểu ý nghĩa trong kinh, như chấp trước nơi “có”, nhằm sợ tất cả giáo lý về “không”. Vì nhằm khiến họ tùy theo đây để hiểu tướng không của các pháp, hiểu ý sâu kín trong kinh, xả bỏ kiến chấp về “có”.

Lại có hai lý do nên nói luận này: Một là vì các chúng sinh thành tựu chủng tánh của Bồ-tát chỉ nương vào Đại giáo, với văn, nghĩa, hành, quả hiện bày khắp cả các thừa, sinh trí thiện xảo, đoạn tất cả chướng, tu tất cả thiện, chứng Bồ-đê Phật, đến cùng tận đời vị lai, mình và người đều được lợi ích an vui, không có dừng, mất. Hai là vì các chúng sinh thành tựu chủng tánh của Nhị thừa và không có chủng tánh, cũng nương vào Đại giáo, mỗi mỗi đối với văn nghĩa hành quả ở thừa của mình sinh trí thiện xảo, đoạn trừ chướng phiền não, chế ngự các thứ trói buộc ngăn che, tu tập phần thiện của mình, đắc quả nơi thừa mình, ra khỏi các đường ác trong ba cõi.

Lại có hai lý do nên nói luận này: Một là, hoặc có tập khí của nhiều đời, không biết, điên đảo, do dự, chấp trước giáo tà của ngoại

đạo, Tiểu thừa, vì thế đối với Đại thừa không thể tin, hiểu, nên vì họ mà khéo phân biệt pháp tướng của Đại thừa, và giúp cho họ tin hiểu rõ ràng, thông suốt, quyết định xa lìa điên đảo. Hai là lại có người nghe vô số nghĩa lý nơi các kinh sâu xa khó hiểu, tâm họ mê loạn nên hủy báng không tin. Do đó, vì họ khéo chỉ bày, khiến sinh tin hiểu, đạt lợi ích.

Lại có hai lý do nên nói luận này: Một là nhằm đem đến lợi ích an vui, nên lược nói luận này, khiến người siêng năng tu hành, góp nhặt giáo nghĩa sâu xa trong các kinh tóm lược phân biệt. Hai là nhằm đem đến lợi ích an vui, nên rộng nói luận này khiến bậc siêng năng thuyết pháp, trong mỗi mỗi pháp khai thị vô biên nghĩa sai khác.

Lại có hai lý do nên nói luận này: Một là hiển bày thật tướng của các pháp, hỏi đáp xét định, chọn lập chánh luận. Hai là diệt trừ tất cả vọng chấp, nên hỏi đáp xét định chọn phá luận tà.

Lại có hai lý do nên nói luận này: Một là chỉ bày về biến kế sở chấp, tình “hữu” lý “vô”, tánh y tha khởi và tánh viên thành thật, lý “hữu” tình “vô”, khiến xả bỏ chỗ chấp về tăng ích tổn giảm. Hai là chỉ bày rõ về đạo lý thế gian, chứng đắc pháp môn sai biệt của thắng nghĩa, khiến tu hai đế, sự hiểu biết không điên đảo.

Lại có hai lý do nên nói luận này: Một là mở bày rõ rộng về hai thứ môn lý: tùy chuyển và chân thật, khiến hiểu giáo pháp của hai tạng, ba tạng không trái nhau. Hai là mở bày rộng rõ về bốn thứ môn lý: Là Nhân duyên, Duy thức, Vô tướng và Chân như, khiến tu hạnh quán có khác nhau.

Lại có hai lý do nên nói luận này: Một là thị hiện cảnh giới sai biệt, khiến hiểu biết về tự tánh, tướng trạng, phân vị sai khác của các pháp. Hai là thị hiện sự tu hành sai biệt, khiến biết quả phương tiện căn bản khác nhau của ba thừa. Những loại như thế đã làm các duyên, các nơi trong kinh, luận mỗi mỗi nói khác nhau, phải biết đây đều là phạm vi bàn đến của luận này.

Nay nói luận này, về nguyên do là thế nào? Nghĩa là các hữu tình từ vô thủy đến nay, đối với thật tướng trong tất cả pháp không hiểu biết, nghi hoặc, điên đảo thiên chấp, nên khởi các phiền não, phát sinh nghiệp hữu lậu, luân hồi trong năm đường, chịu ba thứ khổ lớn. Đức Như-lai ra đời thuận theo sự thích hợp của họ, theo phương tiện mà giảng nói thật tướng trong vô số pháp xử vi diệu, giúp các hữu tình hiểu biết tất cả pháp, “không” như vậy, như vậy nên chẳng phải là “có”, “có” như thế, như thế nên chẳng phải là “không”. Hiểu rõ các pháp chẳng phải là “không”, chẳng phải là “có”, xa lìa nghi hoặc, điên đảo,

thiên chấp, thuận theo tánh kia mà khởi hành ở trung đạo, dần dần tu tập đầy đủ, theo chỗ thích hợp của họ, vĩnh viễn diệt trừ các chướng, đặc Tam Bồ-đề, chứng vui tịch diệt. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, ma sự sinh khởi phức tạp, các bộ nổi lên cạnh tranh, đa số chấp trước kiến giải về “có”. Bồ-tát Long Mãnh chứng địa Cực hỷ, góp nhặt giáo pháp Không, vô tướng trong Đại thừa, làm thành bộ Trung Luận..., diễn xướng rõ ràng giáo nghĩa chân thật để trừ bỏ kiến chấp về “có”. Các vị Đại Luận sư như Thánh Đề-bà làm bộ Bách-luận v.v..., mở mang nghĩa lớn, vì thế chúng sinh lại chấp trước kiến giải về “không”. Bồ-tát Vô Trước ở quả vị Sơ địa, chứng định Pháp quang, đặc đại thân thông, phụng sự bậc Đại Từ Tôn, thỉnh nói luận này, lý sự đều cùng tận, văn đều giải thích, không nghĩa nào là không giảng giải, không nghi nào là không trừ, không chấp nào là không phá, không hạnh nào là không tu, không quả nào là không chứng. Chính là vì Bồ-tát, khiến cho họ đối với cảnh, hành, quả... của các thừa đều được thiện xảo, siêng tu hạnh lớn, chứng đại Bồ-đề, rộng vì hữu tình, thường giảng nói không điên đảo, đồng thời bao gồm vì thừa khác, khiến nương vào pháp mình, tu hành nơi phần mình, được chứng quả mình. Đó là lược nói về nguyên do của luận này.

Nay nói Luận Du già Sư địa, về danh nghĩa như thế nào? Nghĩa là tất cả pháp hiện có như: cảnh, hành, quả... trong tất cả thừa, đều gọi là Du Già. Tất cả đều có nghĩa phương tiện thiện xảo tương ứng.

- Cảnh Du Già: Nghĩa là tất cả cảnh, tánh không điên đảo, tánh không trái nhau, tánh luôn tùy thuận, tánh hướng đến cứu cánh, hợp với giáo, lý chân chánh, hành quả tương ứng, cho nên gọi là Du già. Cảnh Du già này, tuy chung cho tất cả, nhưng các kinh luận căn cứ ở tướng, tùy thuận ở cơ mà có đủ loại nói khác nhau. Hoặc nói bốn thứ đạo lý của các pháp, gọi là Du già. Bốn thứ đạo lý: Quán đái, Tác dụng, Pháp nhĩ và Chứng thành, thấu tóm chung toàn bộ đạo lý chân chánh. Hoặc nói trong hai mươi bốn hành bất tương ứng, đều gọi là Du già, nhân quả tương xứng không trái nghịch. Hai thứ này đều như khắp chỗ nơi phần quyết định lựa chọn, (phần Quyết trạch) rộng nói. Hoặc nói thanh tịnh, tạp nhiễm là vô tánh, gọi là Du già, trừ bỏ trái, hợp với thuận, rất là thù thắng, như trong Khế kinh “Đại Phạm vấn” v.v... đã thuyết giảng. Các sư Du già, quán xét không có chút pháp nào có thể khiến sinh, cùng có thể khiến diệt; cũng không có chút pháp nào muốn khiến chứng đắc và muốn hiện quán. Nghĩa là đối với tất cả tạp nhiễm, vô tánh người thực hành trong Du già quán xét không có chút pháp nào có thể khiến nó

sinh và có thể khiến nó diệt. Cho đến đối với tất cả thanh tịnh, vô tánh người thực hành trong Du già quán xét không có chút pháp nào muốn khiến chứng đắc và muốn “hiện quán”. Hoặc nói chân như, thanh tịnh rốt ráo, gọi là Du già, chỗ cao nhất trong lý là tất cả công đức cùng tương ứng, như trong Khế kinh Nhập Lăng-già đã nói. Nếu quán nghĩa chân chánh, trừ bỏ phân biệt, xa lìa lỗi lầm, không có chủ thể giữ lấy, cũng không có đối tượng được giữ lấy, không mở không trói, bấy giờ trong định sẽ thấy Du già, không nên nghi ngờ. Trong kinh Đại Nghĩa nói: từ một pháp tăng đến trăm pháp, đều gọi là Du già, pháp môn tuy khác, nhưng nghĩa không trái nghịch. Nghĩa rộng trong kinh nói: Uẩn, Giới, Xứ, Duyên khởi, Đế v.v... đều gọi là Du già, thu tóm tất cả cảnh, thuận với căn cơ, đối với những thứ như vậy, trong các kinh luận nói tất cả cảnh đều gọi là Du già, gồm đủ bốn tánh, thuận với bốn pháp.

- Hành Du Già: Nghĩa là tất cả các hành, lại thuận với nhau, xứng hợp với chánh lý, thuận với chánh giáo, đưa đến chánh quả, gọi là Du già. Hành Du già này, tuy chung cho các hành nhưng các kinh luận căn cứ tướng tùy theo cơ, mỗi mỗi nói khác nhau. Như trong kinh Biện Du già Sư Địa, nêu chánh tu các hành gọi là Du già, thu tóm chung tất cả hành tương ứng. Trong kinh Nguyệt Đẳng, nêu tu ba mươi bảy phần pháp Bồ-đề, gọi là Du già, những thứ này ở trong tất cả hành đều thuận với quả, rất là thù thắng. Ở trong kinh Đại Phân biệt lục xứ, biện minh về “Chỉ, Quán”, vận dụng đạo lý bình đẳng, gọi là Du già, như vậy là các hành của Chỉ Quán là chủ yếu. Trong kinh Hải tuệ, nói tu Tam-ma-địa, gọi là Du già, trú tâm phát khởi hành này là rất mạnh. Luận Hiển Dương v.v... nêu bốn pháp như: tín, dục, phương tiện, tinh tấn, gọi là Du già. Tác ý, hoặc Trí, gọi là phương tiện, bốn thứ ấy sinh chung tất cả các “hành”, địa do văn tạo thành, biện giải riêng về chín đạo, gọi là Du già. Lãnh hội lý, trừ diệt hoặc, phân biệt quả vị thù thắng, nghĩa là thế gian xuất thế gian, với các đạo gia hạnh, vô gián, giải thoát, thăng tiến, gồm đủ ba phẩm hạ trung thượng. Địa do tu tạo thành, biện giải chung về tu tập các đạo đối trị, gọi là Du già. Vì ưa giản lược, nên nói tổng quát về sự tu tập. Có chỗ nói duyên thuộc về các địa, không có trí diên đảo, gọi là Du già. Duyên nơi pháp của các địa trong hành của trí không diên đảo là thù thắng. Có chỗ lại nói các phương tiện khéo léo, hoặc chỉ có phương tiện, gọi là Du già. hành của tác ý và trí phát khởi là thù thắng. Hoặc căn cứ theo sự tỏ ngộ đầu tiên là thù thắng. Trong Khế kinh Công Đức thật tánh nói các quán duyên khởi, gọi là Du già. Trí quán duyên khởi đối với việc ra khỏi sinh tử là quan trọng hơn cả.

Trong kinh Chánh Hạnh nói tám chi Thánh đạo như: Chánh kiến v.v... gọi là Du già, vì hướng đến thành Niết-bàn, đây là thù thắng. Kinh Tỳ-nại-da nói tu giới v.v... gọi là Du già, tức trong nhân của giới định tuệ học là thù thắng. Nơi Kinh Đại Nghĩa nói tu tập tất cả hành thế, xuất thế với phần vị sai khác, đều gọi là Du già, vì thứ bậc của chánh hành luôn thuận hợp nhau. Như thế đều nói cùng với hành Thanh văn, gọi là Du già, vì chứng đắc chung trong hành của ba thừa là thù thắng. Trong Khế kinh Tuệ đạo bửu tạng nói: Tác ý quán “Không”, gọi là Du già, vì phát khởi đại hành, đây là tối thắng. Như kinh ấy nói, Bồ-tát hiện có Đại Du già, nghĩa là tác ý “Không”. Bồ-tát do tác ý “Không” này, nên không rơi vào địa Thanh văn, Độc giác, cho đến có thể làm thanh tịnh các cõi Phật. Tức trong kinh kia lại nói Bát-nhã Ba-la-mật-đa, gọi là Du Già thù thắng, dẫn dắt hành Đại thừa, đây là hơn hết. Như kinh kia nói Bồ-tát hiện có các Du già trong đó Du già tuệ độ là tối thượng tối thắng, rộng nói cho đến là không gì có thể sánh bằng. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật như vậy, đúng là pháp Du già vô thượng. Các chỗ khác nói, Tuệ độ này đã thấu tóm định không phân biệt, gọi là Du già, vì có thể phát sinh tất cả công đức thù thắng. Chỗ khác lại nói, Bồ-tát hiện có tuệ, bi thù thắng cùng hành hóa bình đẳng, gọi là Du già, vì có thể chứng Đại Niết-bàn vô trụ. Những thuyết như thế về các hành bất cộng, đều gọi là Du già, vì có thể chứng Phật Bồ-đề Vô thượng. Như thế, trong các kinh luận, nói tất cả hành, đều gọi là Du già, đầy đủ bốn thứ nghĩa như trên đã nói.

- Quả Du già: Nghĩa là tất cả quả thuận với nhau, hợp với chánh lý, thuận với chánh giáo, xứng với chánh nhân, gọi là Du già. Quả Du già này, tuy chung cho các quả, nhưng các kinh luận căn cứ theo tướng tùy căn cơ, mỗi mỗi nói khác nhau. Kinh Phân biệt nghĩa nói lực vô úy pháp bất cộng của Phật, gọi là Du già, vì có thể hàng phục các ma, ngăn chặn các dị thuyết, hơn hẳn các thừa khác. Trong kinh Thù Thắng nói Đức Phật chứng đắc Niết-bàn Vô trụ, gọi là Du già, vì tận cùng đời vị lai, là vô sở trụ. Kinh Đại Nghĩa nói địa Như Lai, trí không phân biệt, cho đến đại bi gọi là Du già, vì tự lợi lợi tha luôn vô tận. Nơi kinh Biện Thuyết Du già Sư Địa nói về công đức của Phật địa, đều gọi là Du già, vì cùng tận pháp giới, không có đoạn tận. Kinh Phân Biệt Tam Thừa Công Đức, nói quả đức của ba Thừa gọi là Du già, vì đều cùng tương ứng với chánh lý v.v... Luận Tán Phật nói ba thân, ba đức đều là Du già, vì tất cả quả đức không xa lìa nhau. Luận Tập Nghĩa nói, quả vị đã thấu tóm các nhóm công đức hữu vi, vô vi đều là Du già, vì cùng đạt đến quả vị hòa hợp rốt ráo. Đối với những thứ trong kinh luận như thế, tất cả quả

đức đều gọi là Du già, tức đầy đủ nghĩa nêu trên. Thánh giáo như vậy, cũng gọi là Du già, vì xứng với chánh lý, thuận với chánh hành, đưa đến chánh quả, có nghĩa là chọn lấy đúng về hành quán của ba thừa, gọi là Du già, vì luôn luôn tấn tu, hợp lý thuận hành, đắc quả thù thắng. Cảnh quả nơi Thánh giáo là cảnh Du già, nên quả Du già, bàn luận về Du già cũng gọi là Du già. Như thế, hai chữ Du già trong luận này còn khuấy động khắp cả biển lớn. Thánh giáo, hướng là nói đầy đủ? Du già Sư Địa, sợ khó thọ trì, nên nói sơ lược. Hành giả của ba Thừa, do văn, tư, tu, theo thứ lớp tu tập hành Du Già như thế, tùy theo phần, đầy đủ, lần lượt điều phục giáo hóa các hữu tình, nên gọi là sư Du già. Hoặc chư Như Lai chứng Du già đầy đủ, tùy thuận chỗ thích hợp, đem Du già ấy điều phục giáo hóa tất cả Thánh đệ tử... khiến họ lần lượt tu chánh hạnh, gọi là sư Du già.

Địa: Nghĩa là cảnh giới, là nghĩa đối tượng nương tựa, đối tượng hành trì, hoặc đối tượng thâm tóm, đó là cảnh giới nơi đối tượng hành trì của sư Du Già, nên gọi là địa. Như cảnh giới của ngựa quý, chỉ ở trong ấy mà đi, không ra ngoài. Hoặc sư Du Già nương vào xứ sở này làm tăng trưởng pháp thiện nên gọi là địa, như đất trồng lúa. Hoặc thuộc về địa của sư Du Già, trí nương nơi đấy để hiện hành, nương vào đấy để tăng trưởng, nên gọi là địa, như đất có châu báu. Hoặc sư Du Già, hành ở trong ấy, thọ dụng pháp bạch nên gọi là địa, như đất của ngư vương. Hoặc chư Như Lai gọi là sư Du già, có trí bình đẳng, hành bình đẳng ở trong Du già của Niết-bàn vô trụ nơi tất cả cảnh giới không hý luận, là chỗ thâm tóm của sư Du già nên gọi là địa. Hoặc mười bảy địa đều thuộc về sư Du Già, như đất của quốc vương nên gọi là địa của sư Du già.

Vấn đáp, xét chọn tánh tướng của các pháp, do đó gọi là Luận. Nhằm khiến chứng đắc địa của sư Du già, mà nói Luận này, nên lấy làm tên, như luận Đối pháp. Hoặc lại luận này, biện luận thuận hợp về Du già Sư Địa, nên dùng phần ấy để xưng tên, như kinh Thập địa. Hoặc lại luận này, nương dựa nơi địa ấy, nên lấy làm tên gọi, như hoa ở dưới nước, trên mặt đất, do đó luận tên là Du già Sư Địa.

Nay thể của luận này gồm có năm phần:

1. Phần bản địa: Là phân biệt rộng lược về nghĩa trong mười bảy địa.
2. Phần thâm tóm quyết định lựa chọn: Là lược thâm tóm xét chọn về nghĩa chính yếu sâu kín trong mười bảy địa.
3. Phần thâm tóm giải thích: Lược thâm tóm giải thích nghi thức của các kinh.

4. Phần đầu tóm môn khác: Lược đầu tóm về danh nghĩa sai khác của các pháp đã có trong kinh.

5. Phần đầu tóm sự việc: Lược đầu tóm các nghĩa, sự quan trọng trong ba Tạng.

Luận này có năm phần như vậy, vì sao chỉ gọi Du già Sư Địa? Vì căn cứ vào phần đầu tiên để lập tên, nên không có lỗi. Lại, tất cả pháp đều là Du già Sư Địa. Do sư Du già dùng tất cả pháp làm duyên để nương tựa nên trong đây giản lược tạm nói mười bảy. Lại, mười bảy địa đủ để đầu tóm lược hết tất cả văn nghĩa. Bốn phần sau đều là giải thích các văn nghĩa quan trọng trong mười bảy địa, cũng không là Du già Sư Địa, do đó luận này dùng mười bảy địa làm tông yếu. Tuy lại nêu rõ chung về cảnh v.v... của các Thừa, nhưng người giảng nói luận, vẫn đáp xét chọn tánh tướng của các pháp, ý là nói về Bồ-tát, khiến tất cả đều được thiện xảo, tu thành quả Phật, an vui lợi lạc không cùng tận, vì thế nên luận này thuộc về A-tỳ-đạt-ma của Tạng Bồ-tát, nhằm khiến Bồ-tát chứng đắc thắng trí.

Luận nói: Thế nào là Du già Sư Địa? Nghĩa là mười bảy địa.

Giải thích: Trước hết hỏi Du già Sư Địa là thế nào? Ấy là hỏi chung về một bộ phận tông yếu của luận này. Người hỏi, trước nghe các kinh nói về Du già Sư Địa, nhưng chưa hiểu nghĩa, nên hỏi câu này. Biện biệt về Du già Sư Địa, trong kinh thường nói, chánh tu Du già Sư Địa. Nơi kinh Nguyệt Đăng cũng nói tu tập Du già Sư Địa. Như vậy không phải là một, như trước đã nói rộng. Hoặc người làm luận, trước thọ thỉnh tất cả, thể của luận gồm năm phần đều ở trong tâm, muốn vì người hậu học phân biệt giải nói, tự tạm phát hỏi, làm nhân cho việc khởi thuyết, nên hỏi Du già Sư Địa là thế nào. Nếu không như vậy, thì trước không lược nói, không thể bỗng nhiên hỏi địa này là thế nào. Lại, người nêu hỏi, lược có năm loại:

1. Không hiểu nên hỏi.
2. Nghi hoặc nên hỏi.
3. Xét nghiệm nên hỏi.
4. Vì mới tiếp xúc nên hỏi.
5. Vì muốn tạo lợi ích an vui cho hữu tình nên hỏi.

Nay chính phần thứ năm, chuyên vì lợi lạc cho loài hữu tình, nên làm ra luận này. Gọi là mười bảy địa: Là tập hợp chung chỗ nói về Du già Sư Địa, lược có mười bảy, nếu an lập rộng, ngôi thứ của địa là vô biên, trong mỗi một địa, phần vị sai khác, nghĩa cũng vô biên, như vậy là một lược, hỏi chung và đáp chung.

Luận nói: Những gì là mười bảy? Ớt-đà-nam nói:

*Năm thức tương ứng, ý  
Có tâm, tứ là ba  
Tam-ma-địa câu phi  
Địa có tâm không tâm  
Văn, tư, tu đã lập  
Như vậy đủ ba thừa  
Hữu y và vô y  
Ấy gọi mười bảy địa.*

Giải thích: Lý do nào lại hỏi những gì là mười bảy? Tuy nghe tổng số, nhưng chưa hiểu biệt danh, nên mới hỏi Ớt-đà-nam là trước làm tụng giản lược để trả lời, tóm lược nêu tên địa, cung cấp cho các người học, gọi là Ớt-đà-nam. Năm thức tương ứng: Nghĩa là địa năm thức thân tương ứng. Ý: Nghĩa là địa ý. Có tâm, tứ là ba: Nghĩa là ba địa có tâm có tứ. Tam-ma-địa câu: Nghĩa là Tam-ma-địa. Câu gọi là địa Tam-ma-tứ-đà. Phi nghĩa là phi Tam-ma-địa. Câu phi nghĩa là phi địa Tam-ma-tứ-đà. Đây là căn cứ vào một tướng, nếu chia ra tên địa thì lý nói không cùng tận. Hai tên như thế, xen nhau rộng hẹp. Tên Tam-ma-địa, chung cho cả định và bất định, nhưng chỉ tại hữu tâm. Tam-ma-tứ-đà, thông cả vị hữu tâm và vị vô tâm, chỉ hạn cuộc ở định như phần sau sẽ nói rộng.

Như vậy đủ ba Thừa: Nghĩa là các địa do Văn (nghe) tạo như vậy, hoặc do đạt đến các địa ở trên như vậy, chứng đắc đầy đủ ba thừa và địa Hữu dư y, Vô dư y. Mỗi một tên riêng sau sẽ giải thích rộng.

Luận nói:

1. Địa năm thức thân tương ứng.
2. Địa ý.
3. Địa có tâm có tứ.
4. Địa không tâm chỉ có tứ.
5. Địa không tâm không tứ.
6. Địa Tam-ma-hí-đà.
7. Địa phi Tam-ma-hí-đà.
8. Địa có tâm.
9. Địa không tâm.
10. Địa do Văn tạo thành.
11. Địa do Tư tạo thành.
12. Địa do Tu tạo thành.
13. Địa Thanh văn.
14. Địa Độc giác.

15. Địa Bồ-tát.

16. Địa Hữu dư y.

17. Địa Vô dư y.

Lược nói mười bảy thứ như vậy gọi là Địa sư Du già.

Giải thích: Tiếp theo là liệt kê rộng về tên, lại trả lời câu hỏi trước. Nói địa năm thức thân tương ứng: Nghĩa là các căn như nhãn v.v..., và các thức như nhãn v.v..., không cùng chỗ nương tựa. Nhãn... không làm chỗ nương tựa cho các thức khác lại làm chỗ nương tựa cho chính mình. Nhãn v.v... có độn có lợi. Thức có sáng có mờ. Lại đồng thời nương tựa, nhất định cùng hiện hữu. Không như ý v.v... Do năm thức này dùng các căn như nhãn v.v... Nên nêu riêng về tên, giống như mầm lúa mạch, cũng như tiếng trống v.v..., cho nên gọi là năm thức. Do chỗ nương tựa là căn có hình ngại, lại nhất định không lia thân sở y (thân là chỗ dựa), nên giống như thân thọ, vì vậy gọi là thân. Lại nữa, thân ấy có nghĩa nương tựa nghĩa thể, như thân sáu thức, thân sáu tư... Dựa nơi năm thức thân để kiến lập địa này, cho nên gọi là tương ứng. Như trong Luật nói: Vua bàn luận tương ứng, giặc bàn luận tương ứng. Nghĩa là dựa vào vua và giặc mà dấy khởi ngôn luận. Đây cũng như vậy. Tuy trong địa này phân biệt nhiều pháp, nhưng năm thức làm chủ, nên nói riêng. Lại, năm thức thân tương ứng với các thứ tâm, gọi chung là tương ứng. Do trong địa này, tuy nêu rõ nhiều pháp, nhưng vì tâm và tâm sở thù thắng cho nên nói riêng. Lại tương ứng, là nghĩa gồm thâu thuộc về, tức là trong địa này, nói các pháp thuộc về năm thức thân thâu gồm, tức là bàn về tự tánh, đối tượng dựa, đối tượng duyên, trợ bạn và tạo nghiệp, cho nên gọi là tương ứng. Địa thì như trước đã nói. Các địa từ đây trở về sau thức thân tương ứng, tùy theo chỗ thích hợp kia, cũng có phần chung nhưng lược bớt nên không nói.

Nói về ý địa: Thức thứ sáu, thứ bảy và thức A-lại-da cùng nương vào ý căn, lược bỏ ba chữ thức thân tương ứng, do đó chỉ nói ý. Lại theo môn thật nghĩa, tuy có tám thức nhưng tùy theo môn nên tăng chỉ có sáu thức. Thức thứ sáu, thứ bảy và thức tám, cùng thuộc về thức thứ sáu, căn cứ vào chỗ nương tựa để gọi tên cho nên chỉ nói là ý. Chỗ nương tựa không phải sắc, hoặc lia nơi thân, tựa như tâm thọ, cho nên không nói thân. Tương ứng chuẩn theo trước, do đó lược không nói. Lại thức thứ sáu, bảy và tám, tuy đồng có nghĩa tâm, ý, thức lần lượt thuộc về tâm pháp, ý xứ, thức uẩn, nhưng nghĩa của ý đồng đẳng nên chỉ nói ý, đều là suy xét lường tính, thuộc về ý căn. Thức thứ tám giữ gìn chủng tử, nghĩa tâm riêng mạnh. Thức thứ sáu phân biệt về cảnh giới hiện bày khắp,

nghĩa thức riêng mạnh. Vì thế nên không nói thức địa, tâm địa. Thân và tương ứng lược không nói. Nghĩa của địa như trước.

Vì nguyên nhân nào mà năm thức hợp lại lập thành một địa được nói trước? Các thức khác lập thành một, nói ở phần thứ hai. Năm thức đồng nghiệp, không nên nói về đối tượng duyên được phân biệt. Chỗ nói ít sự việc nên hợp lập làm một, nêu bày đầu tiên. Ý địa ngược với đây nên lập riêng thành một, nói ở phần thứ hai. Lại, vì năm thức đồng dựa nơi sắc căn, đồng duyên nơi sắc cảnh, cho nên hợp lập làm một. Các thức còn lại dựa nơi vô sắc, đối tượng duyên không nhất định nên lập riêng làm một. Tự tánh, y duyên thô, tế thứ lớp, cho nên nói trước, sau. Lại, năm thức đồng thuộc về hiện lượng, vì thế hợp lập làm một, nói trước hết. Thức còn lại không nhất định, hoặc thuộc về hiện lượng hoặc tỷ lượng hoặc phi lượng, do đó lập riêng làm một, và nói ở phần thứ hai. Hai địa như vậy, tự tánh, y (chỗ dựa), duyên, trợ bạn tạo nghiệp, hợp làm thể, thâm tóm tắt cả pháp, nên biết trong đây, tất cả pháp không xa lìa thức, dựa nơi thức sinh khởi. Thức làm thể, thức là tối thắng. Trước dựa vào tám thức, kiến lập hai địa, tám thức như thế tự tánh, y, duyên, trợ bạn tạo nghiệp... sau sẽ nói rộng.

Địa thứ ba là có tâm có tứ: Tâm nghĩa là tìm cầu. Tứ nghĩa là quán xét. Hoặc tư hoặc tuệ đối với cảnh mà tìm cầu ở phần vị thô gọi là Tâm. Tức là hai loại này, đối với cảnh quán xét kỹ càng. Ở phần vị tế gọi là Tứ. Không phải một sát na hai pháp tương ứng, mỗi loại thô tế, trước sau khác nhau. Nay dựa vào hai loại này, kiến lập ở ba địa có nghĩa. Ba địa này căn cứ hai loại trước sau tương ứng mà kiến lập. Nghĩa là địa Dục giới, và sơ thiền, tâm thô, tâm sở trước sau nối tiếp, có thể có tâm tứ cùng tương ứng, nên gọi là địa có tâm có tứ. Nơi tĩnh lự trung gian, tâm thô, tâm sở trước sau tương tục, quyết định không có tâm chỉ có thể cùng với tứ tương ứng, nên gọi là địa không tâm chỉ có tứ. Tĩnh lự thứ hai, trở lên các địa trên các tâm, tâm sở trước sau tương tục, quyết định không có tâm, tứ tương ứng, nên gọi là địa không tâm không tứ. Hoặc địa Dục giới, sơ tĩnh lự, tĩnh lự trung gian, tâm tế, tâm sở, không cùng với tâm tứ tương ứng, đến tất cả sắc bất tương ứng hành, các pháp vô vi không cùng tâm tứ tương ứng, cũng đều gọi là địa không tâm không tứ. Cho nên phần luận sau nói: Địa có tâm có tứ, địa không tâm chỉ có tứ, toàn bộ là địa có tâm. Không tâm thù miên (ngủ nghỉ), không tâm muộn tuyệt (chết giấc), định vô tưởng, sinh vô tưởng, định diệt tận, cùng với cảnh giới Niết-bàn Vô dư gọi là địa Vô tâm có nghĩa. Ba địa này căn cứ vào hai phần vị lìa dục mà kiến lập. Nghĩa là địa Dục giới và

Sơ tĩnh lược, các pháp giả ở tâm và tứ, đều chưa lìa dục, gọi là địa có tâm có tứ. Nơi tĩnh lược trung gian, các pháp giả ở tâm đã lìa dục, tứ chưa lìa dục, gọi là địa không tâm chỉ có tứ. Tĩnh lược thứ hai trở lên các địa trên, các pháp giả, ở tâm và tứ đều đã lìa dục, gọi là địa không tâm không tứ. Hoặc ở địa dưới, đều đã lìa dục, cũng được nói là không tâm không tứ, nên phần luận tiếp sau nói: Trong đây, do lìa dục của tâm tứ, cho nên nói là địa không tâm không tứ, chẳng phải do không hiện hành. Vì sao? Người chưa lìa dục nơi dục giới, nhờ giáo hóa, dẫn dắt tác ý sai khác, ở trong một thời gian, cũng có ý không tâm không tứ hiện hành. Người đã lìa dục của tâm tứ, cũng có tâm, tứ hiện hành, như ra khỏi định kia và sinh vào địa kia. Nghĩa như thật: Ba địa này chỉ căn cứ vào địa giới để kiến lập, nghĩa là địa Dục giới và Sơ tĩnh lược, các pháp hữu lậu vô lậu trong đó tâm tứ đều có thể đạt được, nên gọi là Địa thứ nhất. Tĩnh lược trung gian, các pháp hữu lậu vô lậu, trong đó không tâm chỉ có tứ, nên gọi là Địa thứ hai. Từ tĩnh lược thứ hai trở lên, các địa trên các pháp hữu lậu vô lậu, trong đó tâm tứ đều không có, vì thế gọi là Địa thứ ba. Cho nên phần luận tiếp sau nói: Trong Dục giới và sơ tĩnh lược này, hoặc định hoặc sinh gọi là địa có tâm có tứ. Tĩnh lược trung gian, hoặc định hoặc sinh gọi là địa không tâm chỉ có tứ. Từ tĩnh lược thứ hai trở lên Sắc giới, Vô sắc giới, hoàn toàn gọi là địa không tâm không tứ. Định của sơ tĩnh lược vô lậu hữu vi cũng gọi là địa có tâm có tứ, tức dựa nơi xứ của tâm tứ. Vì pháp duyên chân như làm cảnh, nhập định này, nên không do phân biệt hiện hành. Ngoài ra như trước nói. Nếu căn cứ vào tương ưng và căn cứ vào lìa dục để kiến lập ba địa, thì thấu tóm pháp không cùng tận, cũng rất tạp loạn. Tuy nói địa có tâm có tứ nhưng chỉ là có tâm. Căn cứ vào một môn này, biện biệt sơ về tướng địa, ở trong môn này chỉ nói tĩnh lược thứ hai trở lên là địa không tâm không tứ, là định vô tướng, sinh vô tướng, định diệt tận, gọi là địa vô tâm, ngoài ra tất cả vị, gọi là địa hữu tâm. Sau có bốn môn, lại kiến lập khác, như sẽ nói. Tuy trong đây nói, do lìa dục của tâm tứ, cho nên gọi là địa không tâm không tứ, nhưng chỉ nói các địa từ tĩnh lược thứ hai trở lên nhất định đã lìa dục của địa tâm tứ.

Không nói lìa dục của tâm tứ, là các pháp ở địa dưới, cũng được gọi là không tâm không tứ. Nếu như vậy thì chưa lìa dục nơi tâm tứ của địa dưới các pháp của địa trên cũng nên nói là có tâm có tứ... kiến lập như thế, trở thành quá lộn xộn, cho nên ba địa này chỉ căn cứ vào giới, địa thượng hạ mà kiến lập.

Nói địa Tam-ma-tứ-đa: Nghĩa là địa Thắng định, xa lìa trạo cử, hôn trầm..., chủ thể dẫn bình đẳng, hoặc dẫn bình đẳng, hoặc là bình

đẳng nơi đối tượng, dẫn phát nên gọi là địa Đẳng dẫn có nghĩa. Tên gọi này chỉ thu tóm tất cả các định có tâm, đều có thể bình đẳng dẫn sinh công đức, không chung với không tâm, vì trong tụng trước nói “Tam-ma-địa câu”. Tam-ma-địa: Là tâm số pháp trong biệt cảnh. Hai định vô tâm không thể bình đẳng dẫn sinh các công đức, cho nên là địa phi đẳng dẫn. Nếu như vậy, thì sao nói là địa đẳng dẫn? Địa đẳng dẫn này lược có bốn thứ, nghĩa là: Tĩnh lự, Giải thoát, Đẳng trì và Đẳng chí. Nói tĩnh lự nghĩa là bốn tĩnh lự. Nói giải thoát nghĩa là tám giải thoát. Nói đẳng trì nghĩa là đẳng trì Không, đẳng trì Vô nguyện, đẳng trì Vô tướng. Nói đẳng chí nghĩa là đẳng chí năm hiện kiến, đẳng chí tám thắng xứ, đẳng chí mười biến xứ, đẳng chí bốn vô sắc, đẳng chí vô tướng, đẳng chí diệt tận, những thứ này không có mất. Hai định vô tâm là quả đẳng dẫn, nên cùng mang tên, thật chẳng phải là đẳng dẫn có nghĩa. Tên gọi này chung cho cả vị hữu tâm và vị vô tâm, chỗ có thể của định, hoặc định có tâm, bình đẳng có thể dẫn sinh các công đức, cũng dẫn các căn, đại bình đẳng, cùng xa lìa trạo cử, hôn trầm, giới không hối, phương tiện bình đẳng, là chỗ dẫn phát nên gọi là đẳng dẫn. Hoặc định vô tâm, tuy không thể dẫn công đức thù thắng, nhưng dẫn căn, đại bình đẳng... là chỗ dẫn của định bình đẳng này phát khởi nên cũng gọi là đẳng dẫn. Nếu như vậy thì sao trong tụng trước nói Tam-ma-địa câu, đây không có mất. Văn trong tụng lược, lại nói câu, thật ra đẳng dẫn chẳng phải là câu, cũng là sau nói đẳng dẫn chung cho vô tâm. Nghĩa như thật: Địa đẳng dẫn gọi là có chung có riêng, hữu tâm vô tâm, hai vị đều thu tóm, nên gọi là chung. Sau nói định vô tướng, định diệt tận, cũng là đẳng dẫn về thể của địa, chỉ ở thắng định hữu lậu vô lậu, không có trong tất cả tâm tán loạn nơi dục giới, nên gọi là giới hạn (riêng). Do sau nói chỉ là tĩnh lự v.v... gọi là địa đẳng dẫn chẳng phải ở nơi cõi dục, tâm tánh một cảnh. Do đẳng dẫn này, mà không hối, hoan hỷ, an vui được dẫn, Dục giới thì không như vậy. Căn cứ theo đây nếu cõi trên, ở tâm tán loạn cũng chẳng phải là đẳng dẫn mà đồng với dục giới... Do chỗ tương đối ấy nên có thể nêu ra bốn trường hợp: Hoặc đẳng trì câu, chẳng phải là địa đẳng dẫn. Nghĩa là dục giới... trong phần vị tâm tán loạn. Tam-ma-địa câu là tâm, tâm sở... Hoặc địa đẳng dẫn, chẳng phải là đẳng trì câu: Nghĩa là trong vị định, thể Tam-ma-địa và định vô tướng, định diệt tận vị, các pháp sở hữu. Hoặc đẳng trì câu, cũng đẳng trì địa: Nghĩa là các tĩnh lự và các vị định Vô sắc hữu tâm, tâm, tâm sở... trừ Tam-ma-địa. Hoặc hữu câu phi: nghĩa là trừ vị trên, các pháp sở hữu. Lại Tam-ma-địa, Tam-ma-bát-đế, Tam-ma-tứ-đạ, danh có rộng, hẹp. Danh mục

Tam-ma-địa trong tâm số là đẳng trì, một pháp thông nhiếp tất cả, trong vị hữu tâm, tâm một cảnh tánh, chung vị định, tán. Nhưng các kinh luận dựa vào phần thù thắng chỉ nói không, vô nguyện... gọi là Tam-ma-địa, Tam-ma-bát-đề, là danh mục chung tất cả hữu tâm vô tâm. Trong các vị định vốn có thể của định, trong các kinh luận dựa vào phần thù thắng chỉ nói năm thứ hiện kiến... tương ứng với các định, gọi là Đẳng chí, tên Đẳng dẫn địa, là mục chung của tất cả hữu tâm vô tâm, công đức của vị định. nên trong địa này thâu gồm chung tất cả công đức của vị định. do tổng chung như thế nên riêng đặt tên gọi địa. Nói phi tam-ma-tứ-đa địa, là trái ngược với phần trên, không cần giải thích rộng. Hai địa như vậy, tổng nhiếp tất cả pháp sở hữu ở vị định và phi định.

Nói địa có tâm không tâm: Lược căn cứ nơi năm môn, kiến lập khác nhau.

1. Căn cứ theo môn nói chung về địa: Nghĩa là địa năm thức thân tương ứng, địa ý, địa có tâm có tứ, địa không tâm chỉ có tứ. Bốn địa này toàn bộ là địa có tâm. Trong địa không tâm không tứ, trừ định vô tướng, sinh vô tướng, và định diệt tận, còn lại hoàn toàn là địa hữu tâm. Ở trong môn này, không tâm ngủ nghỉ, không tâm sâu tuyệt, cũng gọi là hữu tâm, vì có thức thứ bảy, thứ tám, chỉ có định vô tướng, tâm bất tương ứng hành và tâm trái nhau, gọi là địa vô tâm.

2. Môn tâm loạn chẳng loạn: Nghĩa là tâm đảo lộn do bốn đảo v...v... gọi là địa Vô tâm, vì mất bản tánh.

3. Môn tâm sinh chẳng sinh: Nghĩa là nếu đầy đủ các duyên thì tâm này được sinh, gọi là địa hữu tâm. Nếu duyên không đầy đủ, thì tâm đó không sinh, gọi là địa vô tâm. Trong môn này, tùy theo tâm sinh ở đây gọi là địa hữu tâm, tâm kia không sinh, gọi là địa vô tâm.

4. Môn phần vị kiến lập: Nghĩa là trừ sáu vị, gọi là địa hữu tâm. Nếu vị không tâm thù miên, vị không tâm sâu tuyệt, vị định vô tướng, sinh vị vô tướng, vị định diệt tận và cảnh giới Niết-bàn Vô dư y vị, gọi là địa vô tâm.

5. Môn căn cứ nơi nghĩa chân thật: Nghĩa là chỉ có cảnh giới Niết-bàn Vô dư y, trong đó các tâm đều diệt, gọi là địa vô tâm. Các vị khác do không có các chuyển thức, giả gọi là vô tâm. Do thức thứ tám chưa diệt hết, nên gọi là địa hữu tâm. Hai địa như vậy, các môn sai khác, tiến thoái không nhất định.

Địa do Văn tạo thành: Nghĩa là từ chỗ nghe sinh ra hiểu biết về nghĩa, văn, tuệ và tuệ tương ứng nơi tâm, tâm sở.

Địa do Tư tạo thành: Nghĩa là từ suy nghĩ sinh ra hiểu biết về pháp

tướng, tuệ và tuệ tương ứng nơi tâm, tâm sở.

Địa do Tu tạo thành: Nghĩa là từ chỗ tu sinh ra sự hiểu biết về lý sự, tuệ và tuệ tương ứng nơi tâm, tâm sở.

Văn nghĩa là lắng nghe, tức là nhĩ căn phát sinh nhĩ thức, nghe lời dạy bảo. Tư nghĩa là suy nghĩ, tức là suy nghĩ thường phát sinh trí tuệ, suy nghĩ chọn lựa pháp. Tu tức là tu tập, tức là định thù thắng, phát sinh trí tuệ, tu tập đối trị. Từ ba thứ này phát sinh ba tuệ và pháp tương ứng. Đẳng gọi là thể của ba địa. Nghĩa của ba tuệ là rộng lớn, như sau sẽ phân biệt ba địa như vậy, dùng ba phẩm tuệ tâm, tâm sở và quả được chứng đắc làm tự tánh, nên phần luận tiếp sau nói: Địa do Tu tạo thành, cũng là địa hữu dư, vô dư y.

Địa Thanh văn: Nghĩa là Thánh giáo của Đức Phật, âm thanh là thượng thủ. Từ chỗ thầy, bạn nghe lời dạy bảo ấy, lần lượt tu chứng, vĩnh viễn ra khỏi thế gian, tiểu hạnh, tiểu quả, nên gọi là Thanh văn. Chủng tánh Thanh văn như thế, phát tâm tu hành đắc quả, tất cả nói chung là địa Thanh văn.

Địa Độc giác: Thường ưa chỗ một mình vắng lặng, không muốn ở chung tạp nhạp, tu giới hạnh đầy đủ, không có thầy bạn dạy bảo, tự nhiên một mình giác ngộ, vĩnh viễn ra khỏi thế gian, trung hạnh, trung quả, nên gọi là Độc giác. Hoặc quán duyên đối đãi mà giác ngộ quả Thánh, cũng gọi là Duyên giác. Chủng tánh Độc giác như vậy, phát tâm tu hành đắc quả, tất cả nói chung là địa Độc giác.

Địa Bồ-tát: Mong cầu đại giác, thương xót hữu tình, hoặc cầu Bồ-đề, chí nguyện vững mạnh, thời gian dài tu chứng, vĩnh viễn ra khỏi thế gian, đại hạnh, đại quả, nên gọi là Bồ-tát. Chủng tánh Bồ-tát như vậy, phát tâm tu hành đắc quả, tất cả nói chung là địa Bồ-tát. Nghĩa lớn của Tam thừa sau sẽ biện giải.

Địa Hữu dư y: Nghĩa là Địa Hữu dư y Niết-bàn. Y tức là chỗ nương tựa của hữu lậu, lược có tám thứ:

1. Y thi thiết: Nghĩa là năm thủ uẩn, do nương dựa nơi đấy, thiết lập ra giả, gọi là chủng tánh.

2. Y thân nhận: Nghĩa là bảy sự gồm thân, là cha mẹ, vợ con, nô tỳ, người giúp việc, đầy tớ còn nhỏ, bạn bè, bà con.

3. Y trú trì: Nghĩa là bốn loại ăn.

4. Y lưu chuyển: Nghĩa là bốn thức trụ, mười hai duyên khởi.

5. Y chướng ngại: Nghĩa là các Thiên ma.

6. Y khổ phiền não: Nghĩa là các dục giới.

7. Y thích duyệt: Nghĩa là vui trong các định.

8. Y hậu biên: Nghĩa là A-la-hán, các uẩn tương tục.

Nay hoàn toàn lấy một thứ sau cùng là y hậu biên, tức trừ sáu sự thâm tóm còn lưu chuyển, chương ngại lấy một phần còn lại. Lại trong địa này có bốn thứ vắng lặng:

1. Vắng lặng khổ: Nghĩa là các khổ trong vị lai rốt ráo không sinh.
2. Vắng lặng hoặc: Nghĩa là các phiền não rốt ráo không sinh.
3. Vắng lặng nghiệp: Nghĩa là không làm ác, tu tập các việc

thiện.

4. Xả vắng lặng: Nghĩa là sáu thứ hằng trú ở nơi sáu căn, không vui, không buồn, an trú trong đó xả, chánh niệm, chánh tri. Bậc A-la-hán v.v... trú ở địa vô học, đầy đủ bốn thứ vắng lặng, có một chút còn lại để nương tựa, cho nên gọi là địa hữu dư y. Địa này tức là Nhị thừa. Trong thân vô học, các pháp hữu lậu vô lậu, toàn bộ là tự tánh Như Lai, tuy thân tâm không chân thật là hữu lậu dư y, nhưng có biến hóa tựa như y hữu lậu, do đó căn cứ vào sự tương biến hóa, cũng được gọi là địa hữu dư y.

Địa Vô dư y: Nghĩa là Địa Vô dư y Niết-bàn. Tất cả hữu lậu dư y đều xả, hữu vi vô lậu của Nhị thừa cũng xả. Như Lai tuy có hữu vi vô lậu, nhưng không có tất cả hữu lậu dư y, cho nên cũng gọi là Địa Vô dư

y. Trong địa này, chỉ có chân như thanh tịnh hiện bày công đức sâu xa, lia các phân biệt, dứt các hý luận, không thể nói là uẩn, xứ, giới v.v... đến trời, người v.v... hoặc tức hoặc lia, hoặc hữu hoặc vô, danh tướng hiện có, đều là giả thuyết có nghĩa. Địa này chính là dùng trạch diệt chân như vô vi rốt ráo làm tánh, và đem công đức hữu vi vô lậu của Như-lai làm tánh. Công đức của Như-lai sâu xa lia tướng, không thể nói nêu. Không nói cũng thấu giữ năm địa thức... lý thật cũng thấu gồm có nghĩa. Công đức hữu vi của Như-lai, thuộc về hữu dư y. Công đức vô vi thuộc về vô dư y. Cho nên phần luận sau nói: Địa Vô dư y. Năm địa một phần: Nghĩa là địa vô tâm, địa do tu tạo thành, địa Thanh văn, Độc giác và Bồ-tát.

\*

\*\*